

KNOWLEDGE AND PRACTICES ON RABIES PREVENTION AMONG DOG AND CAT OWNERS IN MO CAY NAM DISTRICT, BEN TRE PROVINCE IN 2025 AND RELATED FACTORS

Le Thanh Tung¹, Le Van Ty², Huynh Ngoc Linh^{1,3}, Nguyen Ngoc The^{1*}

¹Tra Vinh University - 126 Nguyen Thien Thanh, Hoa Thuan ward, Vinh Long province, Vietnam

²Mo Cay Nam regional Medical Center - Hamlet 7, Mo Cay commune, Vinh Long province, Vietnam

³Ca Mau Medical College - 146 Nguyen Trung Truc, Ly Van Lam ward, Ca Mau province, Vietnam

Received: 16/6/2025

Revised: 04/8/2025; Accepted: 06/9/2025

ABSTRACT

Objective: To determine the proportion of correct knowledge and practices regarding rabies prevention among dog and cat owners in Mo Cay Nam district, Ben Tre province in 2025, and to identify associated factors.

Subjects and methods: A descriptive cross-sectional study was conducted from March 14 to June 13, 2025, involving 399 dog and cat owners in Mo Cay Nam district, Ben Tre province. Data were collected through interviews using a structured questionnaire.

Results: The study results indicate that 64.4% of the population had adequate knowledge about rabies prevention, while only 53.6% demonstrated proper preventive practices. Analysis of related factors showed that residence location and gender were significantly related to having accurate knowledge ($p = 0.004$). In terms of practice, gender, age group, and education level were significantly related to correct rabies prevention practices ($p < 0.05$). Notably, individuals with adequate knowledge about rabies prevention were significantly more likely to engage in correct preventive practices, with a very strong statistical relationship ($p < 0.001$).

Conclusion: The study of 399 respondents revealed that correct knowledge and correct practices regarding rabies prevention among dog and cat owners remain limited and insufficient. It is necessary to implement diverse health education and communication strategies, strengthen the management, supervision and increase the rate of regular vaccination for dogs and cats.

Keywords: Rabies, knowledge, practices, Mo Cay Nam.

*Corresponding author

Email: nguyenngocthe@tvu.edu.vn **Phone:** (+84) 939417019 **https://doi.org/10.52163/yhc.v66i5.3107**

Kiến thức, thực hành về phòng bệnh dại của người dân nuôi chó, mèo tại huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre năm 2025 và một số yếu tố liên quan

Lê Thanh Tùng¹, Lê Văn Ty², Huỳnh Ngọc Linh^{1,3}, Nguyễn Ngọc Thê^{1*}

¹Trường Đại học Trà Vinh - 126 Nguyễn Thiện Thành, phường Hòa Thuận, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

²Trung tâm Y tế khu vực Mô Cày Nam - Ấp 7, xã Mô Cày, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

³Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau - 146 Nguyễn Trung Trực, phường Lý Văn Sâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Ngày nhận bài: 16/6/2025

Ngày chỉnh sửa: 04/8/2025; Ngày duyệt đăng: 06/9/2025

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định tỷ lệ kiến thức, thực hành đúng về phòng bệnh dại của người dân có nuôi chó, mèo tại huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre năm 2025 và một số yếu tố liên quan.

Đối tượng và phương pháp: Nghiên cứu cắt ngang mô tả từ 14/3/2025 đến 13/6/2025 trên 399 người dân có nuôi chó, mèo tại huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre bằng phỏng vấn theo bộ câu hỏi.

Kết quả: Tỷ lệ người dân có kiến thức đúng là 64,4% và có thực hành đúng là 53,6% về phòng bệnh dại. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức về phòng bệnh dại đúng bao gồm nơi cư trú và giới tính ($p = 0,004$). Yếu tố liên quan đến thực hành phòng bệnh dại bao gồm giới tính, nhóm tuổi và trình độ học vấn ($p < 0,05$). Đáng chú ý nhất là những người có kiến thức đúng về phòng chống bệnh dại có liên quan đến thực hành đúng ($p < 0,001$).

Kết luận: Nghiên cứu 399 người dân cho thấy tỷ lệ kiến thức đúng và thực hành đúng về phòng bệnh dại của người dân có nuôi chó, mèo là còn thấp và chưa đầy đủ. Cần có các biện pháp truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp, tăng cường quản lý, giám sát và nâng cao tỷ lệ tiêm phòng định kỳ cho chó, mèo.

Từ khóa: Bệnh dại, kiến thức, thực hành, Mô Cày Nam.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh dại là một bệnh truyền nhiễm cấp tính nguy hiểm, do virus dại gây ra, với tỷ lệ tử vong 100% ở người và động vật. Trên thế giới, khoảng 59.000-70.000 người tử vong mỗi năm, chủ yếu ở các nước đang phát triển, trong đó Việt Nam có tỷ lệ tử vong cao [6]. Bệnh dại ở Việt Nam đứng thứ 14 về tỷ lệ tử vong trên thế giới với khoảng 80-110 ca tử vong/năm. Năm 2023, cả nước ghi nhận 82 ca tử vong, tăng 17% so với năm 2022; trong 4 tháng đầu năm 2024 đã có 22 ca tử vong [2]. Nguyên nhân chính là do chó, mèo cắn, hoặc tiếp xúc với dịch tiết của động vật bị nhiễm virus dại. Việc thiếu hiểu biết về phòng bệnh sau khi bị chó, mèo cắn cũng là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến tỷ lệ mắc bệnh.

Tình hình bệnh dại tại tỉnh Bến Tre đang diễn biến phức tạp, có các ca tử vong và ổ dịch liên tục trong thời gian gần đây. Đề tài “Kiến thức, thực hành về phòng bệnh dại của người dân có nuôi chó, mèo tại huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre năm 2025 và một số yếu tố liên quan” được xây dựng nhằm giải quyết nhu cầu cấp thiết nâng cao kiến thức và thực hành phòng bệnh dại đúng cách cho người dân nuôi chó, mèo tại địa phương, góp

phần giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm bệnh. Đề tài tập trung vào nâng cao nhận thức và cung cấp kiến thức, kỹ năng về phòng tránh bệnh dại cho người dân, dựa trên Quyết định số 2151/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ [1]. Yếu tố này được nhấn mạnh do hơn 90% trường hợp tiếp xúc với virus dại từ động vật đều liên quan đến chó, mèo nhà [6].

2. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Người dân có nuôi chó, mèo tại huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre và cư trú tại địa bàn nghiên cứu ít nhất 6 tháng tính đến thời điểm khảo sát.

Không đưa vào nghiên cứu những người mắc bệnh tâm thần, rối loạn trí nhớ, câm, điếc...; các trường hợp phiếu khảo sát có nhiều sai sót, thiếu thông tin trên 50% nội dung cần khảo sát (mục thông tin chung, các câu hỏi khảo sát).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Thời gian nghiên cứu: từ ngày 14/3/2025 đến 13/6/2025.

- Thiết kế nghiên cứu: nghiên cứu cắt ngang mô tả.

*Tác giả liên hệ

- Cỡ mẫu áp dụng theo công thức:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: n là cỡ mẫu nghiên cứu; Z là độ tin cậy lấy ở ngưỡng xác suất $\alpha = 0,05$ có $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$; p là chỉ số mong muốn của tỷ lệ ($p = 0,618$ theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh Thảo và cộng sự [3]), d là khoảng sai lệch mong muốn ($d = 0,05$).

Áp dụng vào công thức và cộng thêm 10% trừ trường hợp mất mẫu, được cỡ mẫu $n = 399$.

- Phương pháp chọn mẫu: chọn mẫu theo phương pháp cụm.

+ Bước 1: chọn cụm nghiên cứu tại huyện Mô Cày Nam (15 xã, 1 thị trấn; dân số 143.428 người); thành thị có 21.544 người, nông thôn có 122.084 người.

+ Bước 2: xác định mẫu ở thành thị chiếm 1/6 nông thôn, chọn 59 mẫu ngẫu nhiên từ thị trấn; nông thôn chọn ngẫu nhiên 4 xã, mỗi xã lấy 85 mẫu.

+ Bước 3: từ danh sách hộ nuôi chó/mèo, chọn mỗi 4 hộ 1 hộ. Nếu không đủ điều kiện, chuyển sang hộ kế tiếp. Mỗi hộ chọn ngẫu nhiên 1 người phù hợp để khảo sát.

- Xử lý số liệu: các số liệu được cập nhật và quản lý bằng phần mềm Microsoft Excel. Dữ liệu được phân tích bằng phần mềm Stata phiên bản 14.0. Các kết quả được tính toán theo tỷ lệ phần trăm của các biến số, được mô tả bằng bảng tần số (n), tỷ lệ (%). Đánh giá và đo lường mức độ mối liên quan giữa các đặc điểm chung với tỷ lệ kiến thức, thực hành đúng bằng cách tính tỷ số chênh OR (odds ratio) với khoảng tin cậy (KTC) 95%, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

2.3. Biến số nghiên cứu

- Đặc điểm đối tượng: giới tính, tuổi/nhóm tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn.

- Về kiến thức: nguồn không lây và nguồn lây bệnh dại phổ biến ở Việt Nam, xử lý khi bị động vật gặm nhấm, gia súc, gia cầm cắn, tình hình tử vong do bệnh dại tại Bến Tre (năm 2021-2022), nguyên nhân không và

nguyên nhân dẫn đến tử vong, thời gian tử vong và triệu chứng điển hình ở chó lên cơn dại, tỷ lệ tử vong, lý do trẻ em dễ tử vong, thời gian lây nhiễm và ủ bệnh trung bình, vị trí dễ bị lây bệnh dại nhất khi bị chó cắn, nơi không đào thải virus ở người, triệu chứng điển hình khi người lên cơn dại.

- Về thực hành: việc nuôi chó/mèo tại nhà, tiêm phòng dại cho chó/mèo, xử lý khi bị động vật nghi dại hoặc hoang dã cắn, biện pháp phòng ngừa tử vong do bệnh dại, dấu hiệu cần khai báo ngay với cơ quan y tế/thứ y địa phương.

2.4. Bộ công cụ và tiêu chí đánh giá

- Bộ câu hỏi đánh giá điểm kiến thức và thực hành về phòng bệnh dại của người dân có nuôi chó, mèo được tham khảo từ đề tài nghiên cứu của Trần Hưng Nam (2023) và cộng sự [5]. Tham khảo thêm tài liệu liên quan về phòng chống bệnh dại của Cục Y tế dự phòng, Bộ Y tế “ICD-10 A82: Rabies, bệnh dại thuộc nhóm B trong Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm”.

- Đánh giá điểm kiến thức gồm 14 câu hỏi, mỗi câu trả lời đúng khi phù hợp với đáp án được tính 1 điểm, trả lời không đúng với đáp án được tính 0 điểm. Đối tượng được đánh giá có kiến thức đúng khi trả lời đúng $\geq 80\%$ câu hỏi (12/14 câu).

Đánh giá điểm thực hành gồm 6 câu hỏi. Mỗi câu trả lời đúng khi phù hợp với đáp án được tính 1 điểm, trả lời không đúng với đáp án được tính 0 điểm. Đối tượng được đánh giá có thực hành đúng khi trả lời đúng $\geq 80\%$ câu hỏi (5/6 câu).

2.5. Phân tích số liệu

Các số liệu được nhập bằng phần mềm EpiData và phân tích bằng phần mềm Stata. Thống kê mô tả sử dụng tần số, tỷ lệ để trình bày các biến định tính. Phân tích mối liên quan được đo lường bằng tỉ số chênh (OR) và khoảng tin cậy 95% với mức ý nghĩa thống kê $p < 0,05$.

2.6. Y đức trong nghiên cứu

Đề tài được Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học của Trường Đại học Trà Vinh thông qua (giấy chấp thuận số 418/GCT-HĐĐĐ ngày 20/12/2024).

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thông tin chung của người dân có nuôi chó, mèo

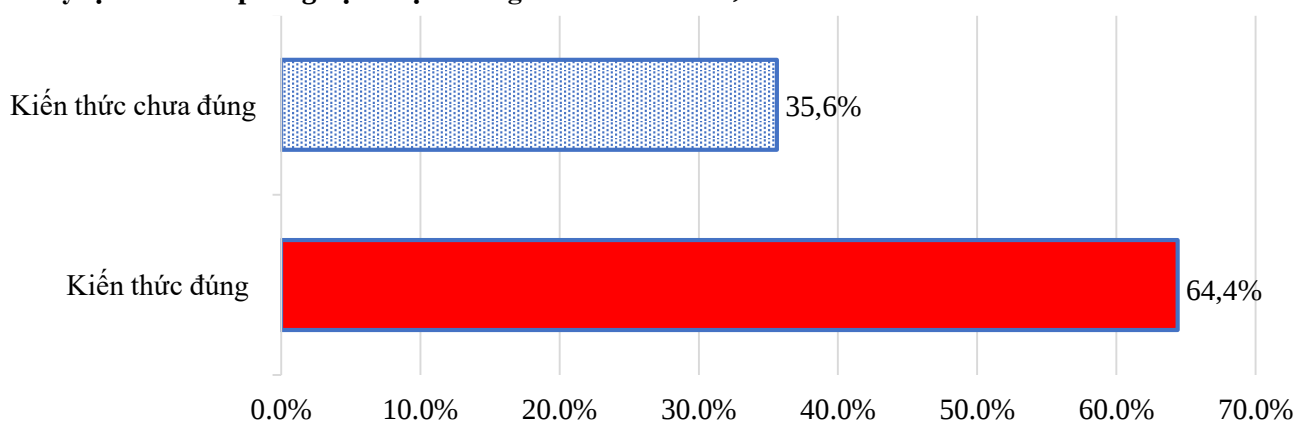
Bảng 1. Đặc điểm dân số của người dân nuôi chó, mèo ($n = 399$)

Đặc điểm mẫu		Tần số	Tỷ lệ (%)
Nơi sống	Thành thị	59	14,8
	Nông thôn	340	85,2
Giới tính	Nam	300	75,2
	Nữ	99	24,8
Nhóm tuổi	Từ 18-40 tuổi	118	29,6
	Từ 41-60 tuổi	211	52,9
	Trên 60 tuổi	70	17,5

	Đặc điểm mẫu	Tần số	Tỷ lệ (%)
Nghề nghiệp	Lao động tay chân	343	86,0
	Lao động trí óc	56	14,0
Trình độ học vấn	Mù chữ	31	7,8
	Tiểu học đến trung học phổ thông	300	75,2
	Trên trung học phổ thông	68	17,0

Kết quả cho thấy trong tổng số 399 người dân tham gia nghiên cứu, tỷ lệ nam chiếm ưu thế so với nữ (75,2% nam, 24,8% nữ). Hơn 50% người dân ở độ tuổi trung niên thuộc nhóm từ 41-60 tuổi. Đa số người tham gia nghiên cứu sống bằng nghề lao động tay chân (86%). Trình độ học vấn từ tiểu học đến trung học phổ thông chiếm đa số (75,2%).

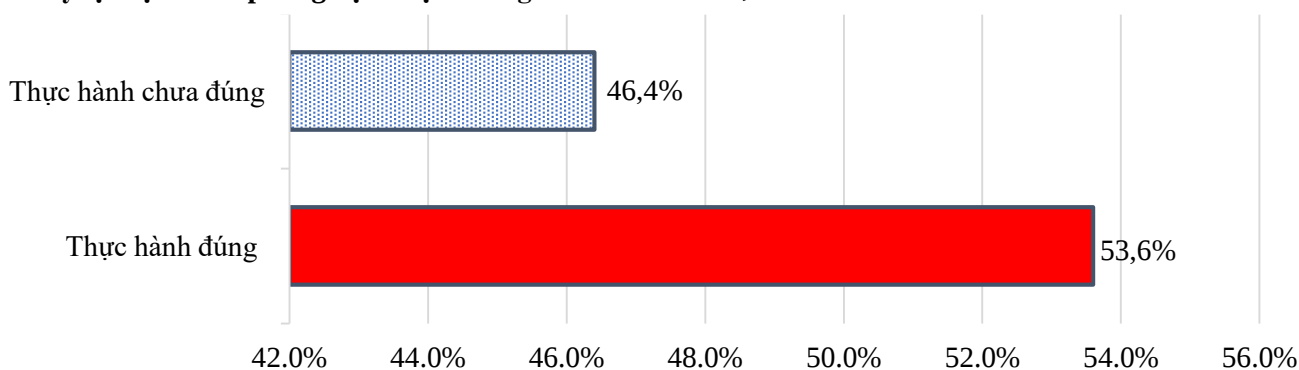
3.2. Tỷ lệ kiến thức phòng bệnh dại của người dân nuôi chó, mèo



Biểu đồ 1. Tỷ lệ kiến thức chung về phòng bệnh dại ở người dân có nuôi chó, mèo (n = 399)

Tỷ lệ người dân có kiến thức chung đúng về phòng bệnh dại chiếm 64,4% trong tổng số 399 người dân tham gia nghiên cứu, và tỷ lệ người dân có kiến thức chưa đúng thấp hơn với 35,6%.

3.3. Tỷ lệ thực hành phòng bệnh dại của người dân nuôi chó, mèo



Biểu đồ 2. Tỷ lệ thực hành chung về phòng bệnh dại ở người dân có nuôi chó, mèo (n = 399)

Tỷ lệ người dân có thực hành chung đúng phòng bệnh dại chiếm 53,6% trong tổng số 399 người dân tham gia nghiên cứu, và tỷ lệ người dân có thực hành không đúng thấp hơn với 46,4%.

3.4. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành phòng bệnh dại

Bảng 2. Yếu tố liên quan giữa kiến thức đúng và các đặc điểm dân số của người dân có nuôi chó, mèo

Đặc điểm dân số		Kiến thức		OR (KTC 95%)	p
		Đúng	Chưa đúng		
Nơi sống	Thành thị (n = 59)	28 (47,5%)	31 (52,5%)	1	0,004
	Nông thôn (n = 340)	229 (67,4%)	111 (32,6%)	2,28 (1,30-3,99)	
Giới tính	Nam (n = 300)	204 (68,0%)	96 (32,0%)	1	0,010
	Nữ (n = 99)	53 (20,6%)	46 (32,4%)	0,54 (0,34-0,86)	

Đặc điểm dân số		Kiến thức		OR (KTC 95%)	p
		Đúng	Chưa đúng		
Nhóm tuổi	Từ 18-40 tuổi (n = 118)	77 (65,3%)	41 (34,7%)	1	
	Từ 41-60 tuổi (n = 211)	136 (64,5%)	75 (35,5%)	0,97 (0,60-1,54)	0,884
	Trên 60 tuổi (n = 70)	44 (62,9%)	26 (37,1%)	0,90 (0,49-1,67)	0,740
Nghề nghiệp	Lao động tay chân (n = 343)	226 (65,9%)	117 (34,1%)	1	
	Lao động trí óc (n = 56)	31 (55,4%)	25 (44,6%)	0,64 (0,36-1,13)	0,129
Trình độ học vấn	Mù chữ (n = 31)	16 (51,6%)	15 (48,4%)	1	
	Tiểu học đến trung học phổ thông (n = 300)	204 (68,0%)	96 (32,0%)	1,99 (0,94-4,19)	0,070
	Trên trung học phổ thông (n = 68)	37 (54,4%)	31 (45,6%)	1,11 (0,48-2,62)	0,796

Nơi sống và giới tính là 2 yếu tố có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với kiến thức đúng về phòng bệnh dại ở người dân nuôi chó, mèo với giá trị $p < 0,05$ ($p = 0,004$; OR = 2,28 (KTC 95% = 1,30-3,99) và $p = 0,010$; OR = 0,54 (KTC 95% = 0,34-0,86)), trong đó người ở khu vực nông thôn có chênh lệch kiến thức đúng cao hơn 2,28 lần so với thành thị, nữ giới có chênh lệch kiến thức đúng thấp hơn nam giới 0,54 lần. Các đặc điểm khác như nhóm tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn đều không ghi nhận có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với kiến thức đúng ($p > 0,05$).

Bảng 3. Yếu tố liên quan giữa thực hành đúng và các đặc điểm dân số của người dân có nuôi chó, mèo

Đặc điểm dân số		Thực hành		OR (KTC 95%)	p
		Đúng	Chưa đúng		
Nơi sống	Thành thị (n = 59)	25 (42,4%)	34 (57,6%)	1	
	Nông thôn (n = 340)	189 (55,6%)	151 (44,4%)	1,70 (0,97-2,97)	0,062
Giới tính	Nam (n = 300)	191 (63,7%)	109 (36,3%)	1	
	Nữ (n = 99)	23 (23,2%)	76 (76,8%)	0,17 (0,10-0,29)	< 0,001
Nhóm tuổi	Từ 18-40 tuổi (n = 118)	73 (61,9%)	45 (38,1%)	1	
	Từ 41-60 tuổi (n = 211)	101 (47,9%)	110 (59,1%)	0,57 (0,36-0,89)	0,015
	Trên 60 tuổi (n = 70)	40 (57,1%)	30 (42,9%)	0,82 (0,45-1,50)	0,523
Nghề nghiệp	Lao động tay chân (n = 343)	185 (53,9%)	158 (46,1%)	1	
	Lao động trí óc (n = 56)	29 (51,8%)	27 (48,2%)	0,92 (0,52-1,61)	0,765
Trình độ học vấn	Mù chữ (n = 31)	10 (32,3%)	21 (67,7%)	1	
	Tiểu học-trung học phổ thông (n = 300)	166 (55,3%)	134 (44,7%)	2,60 (1,18-5,71)	0,017
	Trên trung học phổ thông (n = 68)	38 (55,9%)	30 (44,1%)	2,66 (1,09-6,49)	0,032

Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa thực hành với các yếu tố giới tính, nhóm tuổi và trình độ học vấn với $p < 0,05$. Cụ thể, nam giới có chênh lệch thực hành đúng hơn nữ giới ($p < 0,001$, OR = 0,17; KTC 95% = 0,10-0,29), người ở nhóm tuổi trung niên (41-60 tuổi) có chênh lệch thực hành đúng thấp hơn nhóm người trẻ tuổi từ 18-40 ($p = 0,015$, OR = 0,57 (KTC 95% = 0,36-0,89)). Người có trình độ từ tiểu học trở lên có chênh lệch thực hành đúng cao hơn 2,6 lần so với người mù chữ ($p = 0,017$, OR = 2,60 (KTC 95% = 1,18-5,71) và $p = 0,032$, OR = 2,66 (KTC 95% = 1,09-6,49)). Nghiên cứu chưa ghi nhận có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nơi sống và nghề nghiệp với tỷ lệ thực hành đúng ($p > 0,05$).

Bảng 4. Yếu tố liên quan giữa kiến thức đúng và thực hành đúng của người dân có nuôi chó, mèo

Yếu tố liên quan		Thực hành		OR (KTC 95%)	p
		Đúng	Không đúng		
Kiến thức	Đúng (n = 257)	162 (63,0%)	95 (37,0%)	2,95 (1,92-4,51)	
	Không đúng (n = 142)	52 (36,6%)	90 (63,4%)	1	< 0,001

Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa thực hành đúng với kiến thức đúng trong phòng bệnh dại, cụ thể những người có kiến thức đúng có chênh lệch thực hành đúng cao hơn gần 3 lần so với người có kiến thức không đúng ($p < 0,001$; OR = 2,95; KTC 95% = 1,92-4,51).

4. BÀN LUẬN

Bệnh dại vẫn là một trong những bệnh truyền nhiễm gây tử vong gần như tuyệt đối khi khởi phát, tạo ra thách thức lớn cho hệ thống y tế công cộng, đặc biệt ở các nước đang phát triển như Việt Nam. Theo Tổ chức Y tế Thế giới, mỗi năm có khoảng 59.000-70.000 người tử vong do bệnh dại trên toàn cầu, và hơn 95% trường hợp này xảy ra tại khu vực châu Á và châu Phi. Việt Nam vẫn nằm trong số các quốc gia có tỷ lệ tử vong cao do bệnh dại, với 80-110 ca tử vong mỗi năm trong các năm gần đây; đặc biệt trong năm 2023, cả nước ghi nhận 82 trường hợp tử vong, tăng 17% so với năm 2022. Trong 4 tháng đầu năm 2024, đã có thêm 22 ca tử vong. Tại tỉnh Bến Tre, đặc biệt là huyện Mỏ Cày Nam, bệnh dại diễn biến phức tạp với nhiều ổ dịch và ca tử vong liên tiếp. Trước tình hình đó, việc nghiên cứu và đánh giá kiến thức cũng như thực hành của những người nuôi chó, mèo về phòng bệnh dại là rất quan trọng. Kết quả nghiên cứu trên 399 người dân nuôi chó, mèo tại huyện Mỏ Cày Nam cho thấy 64,4% người dân có kiến thức đúng và 53,6% thực hành đúng. Con số này tương đồng với nghiên cứu tại Cần Thơ năm 2021 của Nguyễn Thị Thanh Thảo (61,8% kiến thức đúng) [3] và nghiên cứu tại Ethiopia năm 2019 của Adane Bahiru (61,3% kiến thức đúng, 55% thực hành tốt) [7]. Kết quả này cao hơn đáng kể so với nghiên cứu của Kinh Thị Mỹ Dung và cộng sự với tỷ lệ có kiến thức chung đạt 43,6% [4]. Tuy nhiên, tỷ lệ này thấp hơn so với một số nghiên cứu trong nước như Kinh Thị Mỹ Dung (86,7% thực hành đúng) nhưng cao hơn so với Nguyễn Thị Thanh Thảo (69,2% kiến thức đúng, 56,9% thực hành đúng) [3]. Phân tích các yếu tố liên quan cho thấy có sự khác biệt rõ rệt giữa giới tính, nơi cư trú và trình độ học vấn đối với mức độ hiểu biết và thực hành đúng. Người dân ở nông thôn có kiến thức tốt hơn so với ở thành thị; nam giới có khả năng thực hành đúng cao hơn nữ giới; và những người có trình độ học vấn từ tiểu học trở lên có khả năng thực hành đúng cao hơn so với người mù chữ. Điều này chỉ ra rằng nhận thức về sức khỏe vẫn còn sự chênh lệch rõ rệt giữa các nhóm dân cư. So với nhiều nghiên cứu quốc tế, tỷ lệ nhận biết về sơ cứu sau phơi nhiễm ở nghiên cứu này vẫn thấp, chỉ có 14% người dân biết cách sơ cứu đúng. Đây là bước quan trọng nhất trong việc ngăn ngừa bệnh dại sau phơi nhiễm. Do đó, cần đẩy mạnh công tác truyền thông để hướng dẫn thực hành sơ cứu cho cộng đồng.

Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa thực hành đúng với kiến thức đúng trong phòng bệnh dại. Kết quả này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nâng cao kiến thức như một yếu tố cốt lõi trong việc cải thiện hành vi tốt trong thực hành đúng, và là cơ sở vững chắc để xây dựng các chương trình truyền thông giáo dục sức khỏe hiệu quả trong cộng đồng người dân có nuôi chó, mèo.

Tóm lại, dù đã có những cải thiện nhất định về kiến thức và thực hành phòng bệnh dại tại khu vực nghiên

cứ, tỷ lệ này vẫn thấp và không đồng đều giữa các nhóm dân cư.

5. KẾT LUẬN

Tỷ lệ người dân có kiến thức đúng và thực hành đúng về phòng bệnh dại lần lượt đạt là 64,4% và 53,6%. Các yếu tố liên quan đến kiến thức về phòng bệnh dại đúng bao gồm nơi cư trú và giới tính ($p = 0,004$). Yếu tố liên quan đến thực hành phòng bệnh dại bao gồm giới tính, nhóm tuổi và trình độ học vấn ($p < 0,05$). Đáng chú ý nhất là những người có kiến thức đúng về phòng chống bệnh dại có liên quan đến thực hành đúng ($p < 0,001$).

Từ nghiên cứu này, chúng tôi khuyến nghị: cần có các biện pháp truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp với từng đối tượng, đồng thời tăng cường quản lý, giám sát và nâng cao tỷ lệ tiêm phòng định kỳ cho đàn chó, mèo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Thủ tướng Chính phủ. Quyết định số 2151/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc phê duyệt “Chương trình Quốc gia phòng, chống bệnh dại, giai đoạn 2022-2030”.
- [2] Đỗ Văn Long, Nguyễn Quốc Tiến, Phạm Văn Trọng. Kiến thức, thực hành phòng chống bệnh dại của người dân tại 2 xã có ổ dịch dại trên chó thuộc tỉnh Thanh Hóa, Tạp chí Y Dược Thái Bình, 2024, tập 13, số 4, trang 70-77.
- [3] Nguyễn Thị Thanh Thảo và cộng sự. Nghiên cứu kiến thức, thực hành về phòng chống bệnh dại và một số yếu tố liên quan của người nuôi chó mèo tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Tạp chí Y Dược học Cần Thơ, 2021, số 36.
- [4] Kinh Thị Mỹ Dung và cộng sự. Kiến thức, thực hành về phòng bệnh dại của người dân có nuôi chó mèo tại quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ năm 2023. Tạp chí Y Dược học Cần Thơ, 2024, số 70, trang 105-112.
- [5] Trần Hưng Nam và cộng sự. Khảo sát kiến thức, thái độ, thực hành và một số yếu tố liên quan về phòng chống bệnh dại của giáo viên tại các trường tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2023. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre, nghiệm thu theo Quyết định số 168/QĐ-KSBT ngày 25/12/2023.
- [6] World Health Organization. Rabies, 2023. <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/rabies>.
- [7] Adane Bahiru, Wassie Molla, Liuel Yizengaw, Sefinew Alemu Mekonnen, Wudu Temesgen Jemberu. Knowledge, attitude and practice related to rabies among residents of Amhara region, Ethiopia, Heliyon - Issue, 2019, 11, volume 8, page 1-10.